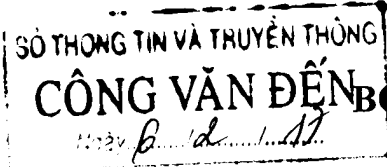


Số: *2349* /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình hành động
của Bộ Thông tin và Truyền thông nhiệm kỳ Chính phủ 2016-2021**



BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông nhiệm kỳ Chính phủ 2016-2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề báo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; BCS Đảng; Công TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, VP, TKTH.

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

của Bộ Thông tin và Truyền thông nhiệm kỳ Chính phủ 2016-2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2399/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức triển khai thực hiện những nội dung, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trong Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021.

- Thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển lĩnh vực Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2016-2021.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là tuyên truyền về quan điểm, cơ chế, chính sách mới nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững, xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp... Chỉ đạo và định hướng tốt công tác thông tin, tuyên truyền về việc triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Quốc hội; chính sách, pháp luật của Nhà nước; giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành. Tập trung tuyên truyền xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của các cơ quan báo chí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xử lý kịp thời, nghiêm túc các vi phạm trong hoạt động báo chí.

Tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy định của Luật Báo chí năm 2016, Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 (sau khi được phê duyệt). Phát triển các loại hình thông tin, báo chí nhằm góp phần quan trọng vào việc cung cấp thông tin, nâng cao dân trí, hình thành và định hướng dư luận xã hội lành mạnh; tăng cường sự đoàn kết, nhất trí về tư tưởng, chính trị và hành động trong nhân dân; biểu dương các nhân tố mới,

điển hình tiên tiến; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; làm tốt việc dự báo, định hướng phát triển xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng.

1.1. Báo in

- Sắp xếp lại các cơ quan báo chí theo mô hình một cơ quan báo chí có nhiều ấn phẩm báo chí. Có từ 50% các cơ quan báo chí hoàn thành việc sắp xếp theo mô hình này.

- Giảm tỷ lệ mất cân đối trong thụ hưởng các sản phẩm báo chí in giữa khu vực thành phố, thị xã và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Các cơ quan báo chí tự chủ về tài chính, trừ những báo, tạp chí do Nhà nước đặt hàng.

1.2. Phát thanh, truyền hình

- Phát triển hệ thống phát thanh, truyền hình đáp ứng nhu cầu thông tin, tuyên truyền theo định hướng của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phù hợp xu thế phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới. Các đài phát thanh, truyền hình tổ chức lại theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chỉ làm nhiệm vụ sản xuất chương trình và cung cấp nội dung cho dịch vụ truyền thông đa phương tiện. Hạ tầng truyền dẫn, phát sóng và dịch vụ phát thanh, truyền hình được tổ chức lại theo Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 và Quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình Việt Nam đến năm 2020. Ngừng việc sử dụng công nghệ truyền hình cáp tương tự trước năm 2020 để chuyển hoàn toàn sang công nghệ số với 100% các mạng cáp dọc các tuyến đường, phổ chính tại trung tâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngầm hoá.

- Tăng thời lượng phát sóng kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương, bảo đảm thời lượng chương trình sản xuất trong nước đạt tỷ lệ tối thiểu 70% tổng thời lượng phát sóng trong một ngày của từng kênh chương trình (trong đó, thời lượng chương trình tự sản xuất mới phải đạt tối thiểu 30% thời lượng các chương trình sản xuất trong nước); tỷ lệ thời lượng chương trình nước ngoài

khai thác trên một kênh chương trình không vượt quá 30% tổng thời lượng phát sóng trong một ngày của kênh đó; số lượng kênh chương trình nước ngoài được phép khai thác trên hệ thống dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không vượt quá 30% tổng số kênh khai thác.

- Đến năm 2020, các đài phát thanh, truyền hình, các đơn vị hoạt động báo hình tự chủ về tài chính. Nhà nước có cơ chế hỗ trợ, đặt hàng đối với các chuyên mục, chương trình, kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả và hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi nhuận thuần túy; kiểm soát không để tư nhân sở hữu và chi phối nội dung phát thanh, truyền hình. Nhà nước có cơ chế phù hợp để từng bước hình thành thị trường sản xuất nội dung trong nước dựa trên quan hệ cung - cầu.

1.3. Báo điện tử

- Báo điện tử trở thành loại hình báo chí chủ lực của các cơ quan truyền thông đa phương tiện.

- Nhà nước có cơ chế hỗ trợ việc xây dựng và phát triển các báo điện tử phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu và phục vụ thông tin đối ngoại.

1.4. Thông tin đối ngoại

Hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách của Nhà nước nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về thông tin đối ngoại. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án thông tin đối ngoại. Tiếp tục quảng bá hình ảnh Việt Nam ổn định và phát triển, nâng cao uy tín, vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực và trên trường quốc tế; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả việc đưa thông tin Việt Nam ra nước ngoài và thông tin chính thống từ thế giới vào Việt Nam. Hạn chế những tác động tiêu cực của những thông tin, luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực cơ hội, thù địch.

1.5. Thông tin cơ sở

- Nâng cao chất lượng nội dung thông tin, nhất là những thông tin, kiến thức cần thiết đối với đời sống hằng ngày của người dân; đồng thời thông tin có trọng tâm, trọng điểm về những chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, chính sách mới của Nhà nước, những sự kiện quan trọng của quốc tế, trong nước liên quan trực tiếp đến người dân ở địa phương, cơ sở và các hoạt

động chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở; chủ động đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch.

- Đổi mới phương thức thông tin cơ sở lấy đối tượng tuyên truyền trọng tâm là người dân theo hướng chủ động, kịp thời, nhanh nhạy, chính xác và có sức thuyết phục, phù hợp với trình độ của người dân, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, miền; đặc biệt chú ý đến người dân trong xã hội ít có điều kiện được tiếp cận, thụ hưởng thông tin.

1.6. Thông tin điện tử

Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong nước cung cấp thông tin điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet; có các giải pháp thu hút người sử dụng, cung cấp thông tin hữu ích, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, nhất là giới trẻ. Các doanh nghiệp và tổ chức trong nước dần chiếm lĩnh các phương thức cung cấp thông tin điện tử trên mạng, đặc biệt là các mạng xã hội trực tuyến. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng Internet vào mục đích xấu, vi phạm pháp luật, đạo đức và các chuẩn mực xã hội.

2. Về xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm

Phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống xuất bản đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ đất nước và nhu cầu thụ hưởng ngày càng cao của nhân dân.

2.1. Xuất bản

- Nâng cao năng lực hoạt động của các nhà xuất bản.

- Duy trì nhịp độ tăng trưởng về số lượng xuất bản phẩm, trong đó 20-30% là xuất bản phẩm điện tử, phần đầu đạt khoảng 450 triệu bản, tương đương 05 bản/người/năm.

2.2. In

Tiếp tục tăng cường hiện đại hóa, phần đầu đến năm 2020 có 50-60% số cơ sở in sử dụng công nghệ, thiết bị in hiện đại.

2.3. Phát hành

Phần đầu 70% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 trung tâm phát hành xuất bản phẩm hiện đại; mỗi quận, huyện có ít nhất 01 cơ sở phát hành xuất bản phẩm; mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm.

3. Về bưu chính

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về bưu chính; phát triển thị trường bưu chính hoạt động sôi động, cạnh tranh lành mạnh, tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về tem bưu chính; tăng cường xã hội hóa công tác thiết kế tem bưu chính và đổi mới công nghệ in tem bưu chính nhằm nâng cao chất lượng tem bưu chính Việt Nam.

- Hợp tác quốc tế sâu rộng (đa phương và song phương) để hợp tác, phát triển kinh doanh, học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tiếp thu chuyên giao và tiến tới làm chủ công nghệ hiện đại.

- Nghiên cứu, phát triển các dịch vụ bưu chính mới là dịch vụ hậu cần cho thương mại điện tử; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cung ứng dịch vụ bưu chính nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và người dân, đóng góp vai trò quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử từ Trung ương đến địa phương, tham gia cung cấp dịch vụ công của các cơ quan nhà nước.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn cao, có phẩm chất tốt, làm chủ công nghệ, phù hợp với việc phát triển các dịch vụ mới; nâng cao năng suất, chất lượng lao động bưu chính đạt mức ngang bằng trình độ các nước trong khu vực.

- Đảm bảo hoạt động của Mạng bưu chính phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tiếp tục thực hiện tốt việc cung ứng các dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí tới tất cả các vùng, miền trong cả nước; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng bưu chính công cộng do Nhà nước đầu tư, trong đó chú trọng các Điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

4. Về viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện

4.1. Viễn thông, Internet

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng dịch vụ rộng trên cơ sở chuẩn hóa, đồng bộ, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Áp dụng các công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển chung trên thế giới, đảm bảo hiệu quả đầu tư, đáp ứng nhu cầu thị trường, lợi ích của

xã hội và phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Mở rộng kết nối với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Hoàn thiện và nâng cấp mạng cơ sở hạ tầng IPv6 quốc gia trên toàn bộ mạng Internet Việt Nam, đảm bảo Internet Việt Nam hoạt động một cách an toàn, tin cậy với địa chỉ IPv6. Mạng lưới của các tổ chức, doanh nghiệp, mạng chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước chính thức sử dụng và cung cấp dịch vụ IPv6.

- Phần đầu ít nhất 40% số hộ gia đình trên toàn quốc được tiếp cận và sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt trên 60%; đảm bảo phủ sóng thông tin di động trên 95% các khu vực dân cư với tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 50-60 thuê bao/100 dân; bảo đảm trên 99% các xã có điện có mạng truy nhập băng rộng di động; tốc độ tăng trưởng viễn thông đạt khoảng 1,2-1,5 lần tốc độ tăng trưởng của GDP; tổng doanh thu viễn thông đạt từ 15-17 tỷ USD, chiếm khoảng 6-7% GDP. Việt Nam nằm trong số 55 nước đứng đầu trong bảng xếp hạng của ITU (thuộc nhóm 1/3 nước dẫn đầu).

- Tăng cường quản lý, thúc đẩy và phát triển tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” đảm bảo an toàn, hiệu quả.

4.2. Tần số vô tuyến điện

- Phát triển thông tin vô tuyến điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và ổn định lâu dài, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế, đáp ứng các nhu cầu về thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Từng bước triển khai lộ trình số hóa mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất phù hợp với điều kiện thực tế về thiết bị thu truyền hình số của người dân trên từng địa bàn cụ thể. Triển khai các hệ thống trạm thông tin di động có quy hoạch, đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị; công nghệ số được áp dụng rộng rãi trong truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình. Các hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được cung cấp thiết bị thu các kênh chương trình phát thanh, truyền hình kỹ thuật số với giá cả phù hợp.

5. Về công nghệ thông tin

5.1. Công nghiệp công nghệ thông tin

- Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành ngành kinh tế - kỹ thuật chủ lực, tăng trưởng nhanh và bền vững, là ngành đi đầu, có vai trò dẫn

dắt, tạo nền tảng cho quá trình chuyển sang kinh tế tri thức. Làm chủ và sản xuất các thiết bị IoT (Internet Vạn vật) và các nền tảng IoT. Sản xuất được các thiết bị, cấu phần thiết yếu của các hệ thống thông tin quan trọng, cơ sở dữ liệu quốc gia, chủ động trong bảo đảm an toàn thông tin.

- Xây dựng các công viên phần mềm, khu công nghệ thông tin tập trung hiện đại. Hình thành được một số tập đoàn công nghệ thông tin đẳng cấp quốc tế, có khả năng cạnh tranh trên thế giới, đồng thời phát triển mạnh doanh nghiệp công nghệ thông tin vừa và nhỏ.

- Nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ và sáng tạo về công nghệ thông tin. Xây dựng, phát hành Sách trắng CNTT-TT hàng năm. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

5.2. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Ứng dụng công nghệ thông tin là giải pháp thiết yếu bảo đảm thành công ba đột phá chiến lược: thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao nhất; hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, xây dựng các trục, mạng hạ tầng chính như giao thông thông minh, lưới điện thông minh, cấp nước thông minh, đô thị thông minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện số hóa, ứng dụng toàn diện công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo, đi đôi với đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, thúc đẩy xã hội học tập, đáp ứng sự chuyển biến nhanh chóng trong đời sống kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Triển khai hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước. Thực hiện đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi. Thực hiện hiệu quả cơ chế thuê dịch vụ công nghệ

thông tin trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

5.3. An toàn thông tin

- Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin mạng; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong đảm bảo an ninh thông tin.

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn thông tin, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế, đồng thời đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về an toàn thông tin trong thời kỳ mới. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thông tin của người sử dụng công nghệ thông tin tại Việt Nam có sự chuyển biến mạnh mẽ.

- Tổ chức, bộ máy về an toàn thông tin được kiện toàn; mạng lưới điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin hoạt động hiệu quả với sự tham gia của các cơ quan chức năng, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; nguồn nhân lực an toàn thông tin đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả các hệ thống hạ tầng kỹ thuật tập trung quy mô quốc gia phục vụ công tác bảo đảm an toàn thông tin; các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia được áp dụng các biện pháp bảo vệ tương xứng, liên tục từ giai đoạn thiết kế, xây dựng, vận hành và sử dụng; các hệ thống thông tin quan trọng khác hiện có được áp dụng bổ sung biện pháp bảo vệ một cách phù hợp. Tăng cường các hoạt động giám sát, cảnh báo sớm và ứng cứu các sự cố gây mất an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia; các hoạt động phòng, chống thư rác, tin nhắn rác.

- Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin được hoàn thiện; công tác kiểm định, đánh giá tính tuân thủ, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thông tin được triển khai thực hiện.

- Thị trường dịch vụ an toàn thông tin do doanh nghiệp trong nước đóng vai trò chủ đạo; thị trường sản phẩm an toàn thông tin có sự tham gia tích cực của nhiều doanh nghiệp trong nước.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn thông tin nhằm tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước là đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác truyền thống của Việt Nam.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vai trò của thông tin và truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về xã hội thông tin, kinh tế tri thức và vai trò của thông tin và truyền thông trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; làm cho lãnh đạo các cấp, các ngành nhận thức được thông tin và truyền thông là lĩnh vực quan trọng và ưu tiên của quốc gia; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ mạnh mẽ cho phát triển thông tin và truyền thông.

2. Tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả và đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường bộ máy quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông theo mô hình quản lý đa lĩnh vực phù hợp với xu thế hội tụ công nghệ và dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin - truyền thông. Tổ chức hợp lý bộ máy quản lý nhà nước trên cơ sở phân biệt rõ các tổ chức có chức năng xây dựng chính sách, luật pháp với các tổ chức có chức năng thực thi pháp luật; tăng cường năng lực các tổ chức thực thi pháp luật; hình thành hệ thống quản lý nhà nước mạnh theo nguyên tắc “Năng lực quản lý đón đầu yêu cầu phát triển”.

Đề xuất cơ chế, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông để thu hút nguồn nhân lực đặc thù, có chuyên môn cao; triển khai quy hoạch phát triển nhân lực của ngành Thông tin và Truyền thông.

Có chính sách và chế độ đãi ngộ đặc biệt để thu hút nhân tài, các nhà khoa học và các cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; khuyến khích chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt đối với người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, vị trí và điều kiện thuận lợi trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tham gia đóng góp cho phát triển ngành Thông tin và Truyền thông của đất nước.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp tục thống kê, rà soát và công bố công khai thủ tục hành chính, lĩnh vực thông tin và truyền thông. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ. Hoàn thiện các quy định về kiểm

soát thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ. Tăng cường triển khai, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO theo TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị để thúc đẩy hoạt động nghiệp vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả.

Hoàn thiện hệ thống chương trình đào tạo, dạy nghề thống nhất và chuyên nghiệp về thông tin và truyền thông trong cả nước, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và hợp tác quốc tế trong đào tạo, đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao. Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt là nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước và sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các mô hình xã hội hóa, mô hình đào tạo theo nhu cầu của thị trường, mô hình đào tạo liên kết “Doanh nghiệp - Viện - Trường”, mô hình liên danh, liên kết quốc tế... để cung cấp cho thị trường nguồn nhân lực đủ về số lượng, cao về trình độ và chất lượng, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

3. Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách; thực hiện tốt các chiến lược và quy hoạch

Rà soát, hoàn thiện, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ phát triển thông tin và truyền thông đáp ứng các yêu cầu về hội nhập toàn diện kinh tế quốc tế, bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; tăng cường và phát huy nội lực, thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp; hoàn thiện các thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và bắt kịp xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin - truyền thông. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách mang tính chất đột phá nhằm tận dụng các cơ hội phát triển khoa học và công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các chính sách phát triển công nghiệp công nghệ cao. Có các chính sách cung cấp các dịch vụ công ích phù hợp để đảm bảo cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho đồng bào vùng sâu, vùng xa có thể truy cập được các nguồn thông tin, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các đề án trong Chương trình công tác trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2021 và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm

pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông để hoàn thiện hành lang pháp lý trong quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện quản lý, điều hành, thực thi nhiệm vụ và phát triển sản xuất, kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội, người dân về thông tin liên lạc.

Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược và quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, nguồn tài nguyên và các nguồn lực quốc gia khác bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, giữ vững chủ quyền quốc gia. Từng lĩnh vực cụ thể cần rà soát, cập nhật, bổ sung hoặc xây dựng mới các chiến lược, quy hoạch, bảo đảm phát huy cao độ tính độc lập, tự chủ và sáng tạo.

4. Phát triển thị trường thông tin và truyền thông, phát triển và đổi mới doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

Phát huy thế mạnh của mọi thành phần kinh tế, nhanh chóng làm chủ thị trường trong nước, từng bước mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới, đồng thời tăng cường xây dựng và làm giàu hình ảnh thương hiệu “Thông tin và Truyền thông Việt Nam”. Tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông Việt Nam với hàm lượng sáng tạo ngày càng cao. Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển bền vững. Các doanh nghiệp chủ lực về thông tin và truyền thông có kế hoạch, lộ trình tăng cường năng lực cạnh tranh và có trình độ chuyên môn hóa cao. Thiết lập các liên minh, liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; tăng cường thực hiện sử dụng chung cơ sở hạ tầng đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư của các doanh nghiệp và các ngành khác.

Thúc đẩy và bảo vệ cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp nhằm đem lại lợi ích tốt nhất cho Nhà nước - doanh nghiệp - xã hội. Tiếp tục tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, áp dụng quản trị doanh nghiệp hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thông tin và truyền thông. Nghiên cứu áp dụng các mô hình doanh nghiệp sáng tạo mới với các hình thức khác nhau nhằm đa dạng hóa các hình thức sở hữu.

Thành lập, tổ chức và vận hành hiệu quả các mô hình vườn ươm doanh nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích việc ra đời của các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông vừa và nhỏ. Hỗ trợ hình thành theo cơ chế thị trường các

doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông lớn, kinh doanh hiệu quả, năng lực cạnh tranh cao, trở thành các tập đoàn kinh tế mạnh, từng bước mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới. Một số doanh nghiệp, tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông của Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đạt trình độ, quy mô thế giới, trong đó một số doanh nghiệp có tổng doanh thu đạt trên 15 tỷ USD.

Tăng cường phối hợp và hoàn thiện các công cụ quản lý, vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông để nâng cao hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thông tin và truyền thông.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn

Mở rộng hợp tác quốc tế và đưa quan hệ với các đối tác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển của Ngành. Có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với các dự án có công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ cao.

Hình thành môi trường nuôi dưỡng, phát triển và đón đầu cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, sẵn sàng về cơ sở hạ tầng vật chất, hậu cần, nguồn nhân lực để thu hút các tập đoàn thông tin và truyền thông lớn trên thế giới đầu tư, triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển thông tin và truyền thông tại Việt Nam. Huy động vốn đầu tư từ các nguồn vốn trong nước và quốc tế, thu hút đầu tư tại các nước trong khu vực ASEAN, ưu tiên nguồn vốn tín dụng ngân hàng, cổ phần hoá, thị trường chứng khoán, tích lũy, ODA... cho phát triển thông tin và truyền thông. Đề xuất cơ chế, chính sách về tài chính, tín dụng, đầu tư, thuế... phù hợp với đặc thù của ngành thông tin và truyền thông.

6. Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm

Các cơ quan, đơn vị rà soát, chỉ đạo, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác. Nghiên cứu, có giải pháp khắc phục tình trạng chồng chéo, lãng phí, kém hiệu quả trong việc bố trí kinh phí và triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Triển khai kịp thời

những chính sách, chế độ tài chính, đầu tư công của Nhà nước đảm bảo hoạt động có hiệu quả và đáp ứng phát triển các lĩnh vực quản lý của Ngành.

Thực hiện hiệu quả kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước trung hạn. Hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án giai đoạn 2016-2020 như: Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn, Kế hoạch phát triển ngành, Kế hoạch cung ứng dịch vụ công và Kế hoạch đầu tư công, Chương trình mục tiêu về Công nghệ thông tin, Dự án thành phần Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Dự án thành phần Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin truyền thông cơ sở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

7. Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội

Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tiếp tục tham gia, phối hợp để triển khai các hoạt động đảm bảo an sinh xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thể hiện rõ tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Tiếp tục và đẩy mạnh triển khai một số chương trình, dự án, tiểu dự án có sự lồng ghép đảm bảo hiệu quả, cụ thể là: Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và hoàn thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Điểm Bưu điện - Văn hóa xã; Duy trì bền vững kết quả của Dự án "Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam"; thực hiện các dịch vụ hành chính công qua hệ thống bưu điện; thông tin nhân đạo quốc gia.

8. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đề cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động thông tin và truyền thông. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân trong các lĩnh vực quản lý của Bộ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và lợi dụng dân chủ gây phương hại cho đất nước.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, viễn thông, thông tin điện tử.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo các nghị quyết, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chú trọng thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, điều tra phát hiện tham nhũng và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất, giải quyết kịp thời những vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh.

IV. TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động nhiệm kỳ 2016-2021 của đơn vị mình và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện về Bộ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong suốt nhiệm kỳ của Chính phủ.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình hành động, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định về các biện pháp cần thiết bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình.

3. Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; báo cáo, kiến nghị Bộ trưởng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm Chương trình hành động được thực thi hiệu quả và đồng bộ; định kỳ hàng năm có báo cáo đánh giá gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ./

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

Phụ lục

DANH MỤC ĐỀ ÁN CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ, QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2016-2021

(Kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên đề án	Cấp trình	Đơn vị chủ trì thực hiện	Dự kiến năm trình
1.	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực thông tin, truyền thông	Chính phủ	Vụ KHTC	2016
2.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở	Thủ tướng Chính phủ	Vụ TTCS	2016
3.	Đề án tuyên truyền đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh	Thủ tướng Chính phủ	Vụ TTCS	2016
4.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ TTTT	Thủ tướng Chính phủ	Vụ KHTC	2016
5.	Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	Viện CL TT&TT	2016
6.	Nghị định quy định chi tiết về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	Chính phủ	Cục ATTT	2016
7.	Nghị định quy định bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin	Chính phủ	Cục ATTT	2016
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng quốc gia	Thủ tướng Chính phủ	Cục ATTT	2016
9.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia	Thủ tướng Chính phủ	Cục ATTT	2016
10.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông	Chính phủ	Cục VT	2016
11.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, CNTT và tần số vô tuyến điện.	Chính phủ	Cục VT	2016

TT	Tên đề án	Cấp trình	Đơn vị chủ trì thực hiện	Dự kiến năm trình
12.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh	Chính phủ	Cục PTT&TTĐT	2016
13.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ TTTT	Thủ tướng Chính phủ	Vụ TCCB	2016
14.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Thủ tướng Chính phủ	Vụ BC	2016
15.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia	Thủ tướng Chính phủ	Cục TS VTĐ	2016
16.	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông	Chính phủ	Vụ TCCB	2016
17.	Nghị định quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước.	Chính phủ	Cục BC	2016
18.	Nghị định quy định về lưu chiếu điện tử đối với báo nói, báo hình và báo điện tử độc lập với các cơ quan báo chí.	Chính phủ	Cục BC	2016
19.	Đề án Giám sát an toàn thông tin đối với hệ thống dịch vụ công nghệ thông tin của Chính phủ điện tử phạm vi toàn quốc	Thủ tướng Chính phủ	VNCERT	2016
20.	Đề án Đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng (CERT) trên toàn quốc	Thủ tướng Chính phủ	VNCERT	2016
21.	Đề án đề xuất cơ chế ưu đãi thí điểm cho các cán bộ kỹ thuật an toàn thông tin và lực lượng ứng cứu sự cố an toàn mạng	Thủ tướng Chính phủ	VNCERT	2016
22.	Nghị định thay thế Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông	Chính phủ	Cục VT	2017
23.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm và nội dung thông tin số	Thủ tướng Chính phủ	Vụ CNTT	2017
24.	Quy hoạch phát triển hệ thống thông tin đối ngoại khu vực cửa khẩu quốc tế phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	Viện CL TT&TT	2017
25.	Phê chuẩn/phê duyệt các Văn kiện Đại hội Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) lần thứ 26	Thủ tướng Chính phủ	Vụ HTQT	2017

TT	Tên đề án	Cấp trình	Đơn vị chủ trì thực hiện	Dự kiến năm trình
26.	Đề án Hỗ trợ phát triển một số sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng nội địa	Thủ tướng Chính phủ	Cục ATTT	2017
27.	Quản lý, phát triển hệ thống truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	Vụ TTCS	2017
28.	Chiến lược phát triển thông tin quốc gia tới 2025, tầm nhìn 2030	Thủ tướng Chính phủ	Cục BC	2017
29.	Nghị định sửa đổi Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in	Chính phủ	Cục XBIPH	2017
30.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin và Tần số vô tuyến điện	Chính phủ	Thanh tra Bộ	2017
31.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản	Chính phủ	Thanh tra Bộ	2017
32.	Nghị định thay thế Nghị định số 26/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	Chính phủ	NEAC	2017
33.	Đề án Quy hoạch phát triển an toàn thông tin mạng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	Cục ATTT	2019
34.	Đề án sửa đổi Luật Viễn thông	Chính phủ	Cục VT	2019
35.	Đề án tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp viễn thông giai đoạn 2020-2025	Thủ tướng Chính phủ	Cục VT	2019
36.	Đề án Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	Cục ATTT	2020
37.	Đề án quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	Cục VT	2020
38.	Đề án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025	Thủ tướng Chính phủ	Cục VT	2020
39.	Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin cơ sở	Chính phủ	Vụ TTCS	2020